

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- ❖ Luật số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 của Quốc hội
- ❖ Luật số ngày 19/06/2013 của Quốc hội
- ❖ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ
- ❖ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính
- ❖ Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính
- ❖ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính
- ❖ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài Chính.

Nội dung



1. Khái quát chung



2. Căn cứ tính thuế



3. Hướng dẫn quyết toán thuế

1. Khái quát chung

1.1. Khái niệm

Thuế TNDN là loại thuế thu vào thu nhập phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức và các thu nhập khác



1.2. Đặc điểm

- Thuế TNDN thu vào thu nhập phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức, những thu nhập này có được chủ yếu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ nên có thể nói **đối tượng chịu thuế của thuế TNDN là thu nhập có nguồn gốc phát sinh chủ yếu từ hoạt động sản xuất kinh doanh.**
- Bản chất của thuế là loại **thuế trực thu**, việc tiến hành thu TNDN là nhằm mục đích điều tiết thu nhập của các cá nhân, tổ chức khi họ tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập, bên cạnh đó, với việc hiểu rõ về khái niệm thuế TNDN cũng giúp chúng ta phân biệt thuế TNDN và các loại thuế khác.



1.3. Người nộp thuế TNDN

Căn cứ vào điều 2 Luật thuế TNDN thì: *Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là các doanh nghiệp và các tổ chức khác thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định.*

1.4. Đối tượng chịu thuế

7

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thì thu nhập bị đánh thuế là tất cả các khoản thu nhập hợp pháp mà tổ chức thu được. Tất cả các khoản thu nhập đó được chia thành 2 loại là:

- **Thu nhập chính** là những khoản thu nhập có được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức tức là những khoản thu nhập gắn liền với ngành, nghề hoạt động được đăng ký kinh doanh của tổ chức.

- **Thu nhập khác** là tất cả các nguồn thu nhập còn lại mà tổ chức có được.

2. Căn cứ tính thuế

8

$$\text{Số Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$



2. Căn cứ tính thuế

Điều 11 thông tư 78/2014

9

- a) **Thuế suất thông thường** (còn gọi là thuế suất phổ thông) là mức thuế suất được áp dụng chung cho mặt bằng xã hội: 22%



Thuế suất 20%
áp dụng cho những DN có tổng doanh thu của năm trước liền kề < 20 tỷ đồng.



Thuế suất 22%
áp dụng cho những DN không thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 20%.
(Nhưng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 sẽ áp dụng thuế suất 20%)



Chú ý
Những DN mới thành lập thì kê khai **tạm tính quý** theo thuế suất **22%**. Kết thúc năm tài chính nếu Doanh thu bình quân của các tháng trong năm < **1,67 tỷ đồng** thì DN **quyết toán thuế TNDN** theo thuế suất **20%**.

Ví dụ 1: Công ty A áp dụng kỳ tính thuế theo năm tài chính từ ngày 01 tháng 4 năm này đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau, có doanh thu bán hàng hóa cung cấp dịch vụ mã [01] và doanh thu hoạt động tài chính mã [08] trên Phụ lục 03-1A/TNDN kèm theo tờ khai quyết toán thuế TNDN số 03/TNDN năm tài chính 2013 (từ ngày 01/04/2013 đến hết ngày 31/3/2014) không quá 20 tỷ đồng thì từ năm tài chính 2014 (từ ngày 01/04/2014 đến hết ngày 31/3/2015) Công ty A được áp dụng thuế suất thuế TNDN năm tài chính 2014 là 20%, nếu tổng doanh thu năm tài chính 2014 xác định theo hướng dẫn nêu trên mà trên 20 tỷ đồng thì năm tài chính 2015 (từ ngày 01/04/2015 đến hết ngày 31/3/2016) Công ty A áp dụng thuế suất thuế TNDN 22%.

10

b) Thu nhập tính thuế

11

	B1: xác định doanh thu (Điều 8 Luật Thuế TNDN)
	B2: xác định các khoản chi được trừ (Điều 9 Luật Thuế TNDN)
	B3: xác định thu nhập chịu thuế TN chịu thuế = (Doanh thu – chi phí được trừ) + các khoản thu nhập khác
	B4: xác định thu nhập tính thuế TN tính thuế = TN chịu thuế – (TN được miễn thuế + các khoản lỗ được kết chuyển)

❖ Doanh thu

12

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà DN được hưởng, không phân biệt thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Nếu DN kê khai GTGT theo phương pháp khấu trừ: là doanh thu không có thuế GTGT.
- Nếu DN kê khai GTGT theo phương pháp trực tiếp: là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

Ví dụ 1: Doanh nghiệp A là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế. Hóa đơn giá trị gia tăng gồm các chi tiêu như sau:

Giá bán: 100.000 đồng.

Thuế GTGT (10%): 10.000 đồng.

Giá thanh toán: 110.000 đồng.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là 100.000 đồng.

Ví dụ 2: Doanh nghiệp B là đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng. Hóa đơn bán hàng chỉ ghi giá bán là 110.000 đồng (giá đã có thuế GTGT).

→ **Doanh thu** để tính thu nhập chịu thuế là 110.000 đồng.

❖ Khoản chi được trừ

- Thông tư 78/2014/TT-BTC.
- Thông tư 151/2014/TT-BTC.
- Thông tư 119/2014/TT-BTC.
- Luật số 71/2014/QH13
- Thông tư 96/2015/TT-BTC.



Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại khoản 2 điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC, DN được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

❖ Khoản chi được trừ

Nếu mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị > 20 triệu đồng ghi trên hóa đơn mà đến thời điểm ghi nhận chi phí, **chưa thanh toán** thì **được tính vào chi phí** được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

+ Nhưng **khi thanh toán mà không toán qua ngân hàng** thì phải kê khai **điều chỉnh giảm** khoản chi phí đó.

- Đối với các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đã thanh toán bằng tiền mặt phát sinh trước thời điểm Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực thì hành thì không phải điều chỉnh lại theo quy định tại Điều này.

Ví dụ: Công ty DDC trong tháng 8 năm 2014 có hóa đơn đầu vào 50 triệu đồng nhưng chưa thanh toán. Và công ty đã tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế năm 2014.

Sang năm 2015, công ty thanh toán bằng **tiền mặt**

→ Do vậy công ty phải kê khai, **điều chỉnh giảm** chi phí đối với hóa đơn đó vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (**kỳ tính thuế năm 2015**).

Ưu đãi thuế TNDN

Điều 19 thông tư 78/2014

- Ưu đãi về thuế suất:** là những trường hợp dành cho DN được hưởng mức thuế suất thấp hơn mức thuế suất phổ thông.
 - Ví dụ: Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) áp dụng đối với: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại: địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ương tạo công nghệ cao.

Ưu đãi thuế TNDN

Điều 20 thông tư 78/2014

b) Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế

Ví dụ: Năm 2014, doanh nghiệp A có dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm phần mềm, nếu năm 2014 doanh nghiệp A đã có thu nhập chịu thuế từ dự án sản xuất sản phẩm phần mềm thì thời gian miễn giảm thuế được tính liên tục kể từ năm 2014. Trường hợp dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm phần mềm của doanh nghiệp A phát sinh doanh thu từ năm 2014, đến năm 2016 dự án đầu tư mới của doanh nghiệp A vẫn chưa có thu nhập chịu thuế thì thời gian miễn giảm thuế được tính liên tục kể từ năm 2017.

Ưu đãi thuế TNDN

c) Các hình thức ưu đãi thuế khác:

Các trường hợp giảm thuế khác (Điều 15 Luật Thuế TNDN)

Chuyển lỗ (Điều 16 Luật Thuế TNDN)

Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của DN (Điều 17 Luật Thuế TNDN)

➔ Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế: Điều 18 Luật Thuế TNDN

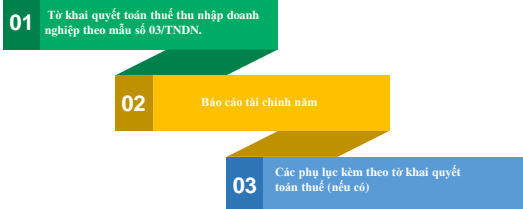


20

Hồ sơ kê khai quyết toán thuế TNDN gồm:

Thông tư 151/2014

21



Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán thuế TNDN

❖ Hướng dẫn lập tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 mẫu 03/TNDN chi tiết từng chỉ tiêu trên tờ khai và các phụ lục kèm theo tờ khai trên phần mềm HTKK mới nhất hiện nay.

- Đăng nhập vào phần mềm HTKK (Lưu ý phải làm trên **phần mềm HTKK 3.3.1**)
- Chọn "Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp" -> Chọn "Quyết toán thuế TNDN năm (03/TNDN)", màn hình sẽ xuất hiện như hình dưới:



Ví dụ 1: Trong kỳ quyết toán thuế năm 2015, công ty ABC có

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: 1,251,379,855
- Doanh thu không chịu thuế: 4,712,315
- Tổng chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: 153,545,867
- Tổng lợi nhuận kế toán sau khi trừ các chi phí không hợp lý, hợp lệ: 1,400,213,407
- Thuế suất: 20%
- Thuế TNDN phải nộp: 208,042,681

24



Item No.	Description	Price
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

Item No.	Description	Price
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

